

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/HS-ST

Ngày: 06 - 8 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Kim Thành và Ông Thạch Nhị

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Châu Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Đức N, sinh năm 1990 tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 01, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Đức N, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án 01: Ngày 30/5/2013, bị Tòa án nhân dân quận 11, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm 09 tháng tù về “*Tội cướp tài sản*” và “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (Tại Bản án số 41/2013/HSST ngày 30/5/2013), tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2020 cho đến nay “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 01, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Bà Bùi Thị H, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 6, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Người tham gia tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị Kim N – Cán bộ tổ y tế Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 09/01/2020, Phạm Đức N nảy sinh ý định đi Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy về cất giấu để sử dụng nếu có ai hỏi mua thì bán lại kiếm lời. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày N đến bến xe M, thuộc quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này N đi bộ ra cổng trước gặp một người đàn ông chạy xe ôm (không rõ nhân thân, lai lịch) và hỏi mua giùm 10.000.000 đồng ma túy đá thì người đàn ông này đồng ý và điều khiển xe chở N đến cầu K, thuộc quận B gặp một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch). Tại đây N hỏi mua 10.000.000 đồng ma túy đá thì người đàn ông đồng ý và kêu N đứng đợi, khoảng 30 phút sau người đàn ông quay lại thì N đưa cho người đàn ông này số tiền 10.000.000 đồng, thì người đàn ông giao cho N một bao thuốc lá JET, N mở bao thuốc lá ra thì thấy bên trong chứa 01 bọc ma túy đá nên bỏ vào túi áo đang mặc của mình, sau đó trả 200.000 đồng tiền xe ôm và công giới thiệu rồi đi xe ôm về lại bến xe M đón xe khách về thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Đến 16 giờ cùng ngày N về đến thành phố Đ đi bộ đến nhà nghỉ P, thuộc ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thuê phòng số 05 để ở và cất giấu bao thuốc lá JET chứa bọc ma túy vừa mua được trên nóc máy lạnh trong phòng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày do có nhu cầu sử dụng ma túy N lấy bọc ma túy trích ra một ít ma túy đá rồi một mình sử dụng bằng hình thức hút hết, phần ma túy đá còn lại N chia nhỏ bỏ vào 15 gói nylon và 10 bọc nylon sau đó cất giấu 01 bọc nylon chứa ma túy đá lên nóc máy lạnh, còn 15 gói nylon và 09 bọc nylon chứa ma túy đá N tiếp tục bỏ vào bao thuốc lá JET cất giấu trong người với mục đích cất giấu để sử dụng và có ai hỏi mua thì bán lại kiếm lời. Đến khoảng 03 giờ 50 phút ngày 13/01/2020 N bị lực lượng Công an thành phố Đ kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng tang vật.

Tại bản kết luận giám định số 09/2020/GĐ-MT ngày 15/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Tinh thể màu trắng có trong 24 (hai mươi bốn) gói nylon (ký hiệu M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 20,4039 gam (*Hai mươi phẩy bốn không ba chín gam*).

- Tinh thể màu trắng có trong 01 (một) gói nylon (ký hiệu M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 4,9321 gam (*Bốn phẩy chín ba hai một gam*).

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ 01 bọc nylon, miệng kéo dính, kích thước 4,5cm x 4,0cm chứa tinh thể màu trắng; 03 (ba) bọc nylon miệng kéo dính, kích thước bọc khoảng 4,5cm x 4,0cm bên trong bọc chứa tinh thể màu trắng; 05 (năm) bọc nylon miệng kéo dính được hàn kín với nhau trên đầu kích thước mỗi bọc khoảng 3,5cm x 3,0cm bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 (một) bọc nylon miệng kéo dính kích thước 3,5cm x 3,0cm bên trong chứa tinh thể màu trắng; 02 (hai) gói nylon hàn kín các mép, kích thước 4,5cm x 1,0cm bên trong chứa tinh thể màu trắng; 13 (mười ba) gói nylon hàn kín các mép, kích thước 3,5 x 1,0cm bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01(một) vỏ bao thuốc lá hiệu JET; 11 ống thủy tinh bằng nhau, dài 16cm; 02 (hai) quẹt ga không có đầu quẹt; 01(một) ống hút nhựa màu trắng dài 36cm; 01 (một) nắp chai nhựa màu đỏ; 01(một) kéo kim loại dài 14cm; 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung màu trắng đã qua sử dụng; 01(một) điện thoại di động hiệu Kechaoda màu bạc đã qua sử dụng; 01(một) Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Đức N; số tiền 18.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 80/CT-VKS ngày 09/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Phạm Đức N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm i, g khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, g khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức N mức án từ 08 đến 09 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; các vật dụng được bị cáo dùng vào việc sử dụng, cất giấu ma túy. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu trắng đã qua sử dụng, 01(một) điện thoại di động hiệu Kechaoda đã qua sử dụng, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Đức N; trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 18.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Đức N tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 80/CT-VKS ngày 09/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, phù hợp với kết luận điều tra, với kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do bản thân là người nghiện ma túy và muốn có ma túy để sử dụng và bán lại kiếm lời nên khoảng 09 giờ ngày 09/01/2020 Phạm Đức N đón xe khách đến Bến xe M, thuộc quận B, thành phố Hồ Chí Minh để mua 10.000.000 đồng ma túy của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực cầu Kinh thì người đàn ông giao cho N một bao thuốc lá JET bên trong chứa 01 bọc ma túy đá, sau khi sử dụng một phần ma túy tại phòng số 5, nhà nghỉ P thuộc ấp 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thì N chia nhỏ số ma túy bỏ vào 15 gói nylon và 10 bọc nylon, sau đó N cất giấu 01 bọc nylon chứa ma túy đá lên nóc máy lạnh, còn 15 gói nylon và 09 bọc nylon chứa ma túy đá N tiếp tục bỏ vào bao thuốc lá JET cất giấu trong người, đến khoảng 03 giờ 50 phút ngày 13/01/2020 thì N bị lực lượng Công an thành phố Đ kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại bản kết luận giám định số 09/2020/GĐ-MT ngày 15/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

- Tinh thể màu trắng có trong 24 (hai mươi bốn) gói nylon (ký hiệu M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 20,4039 gam (*Hai mươi phẩy bốn không ba chín gam*).

- Tinh thể màu trắng có trong 01 (một) gói nylon (ký hiệu M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 4,9321 gam (*Bốn phẩy chín ba hai một gam*).

[3] Hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tổng khối lượng 25,3360 gam ma túy, loại Methamphetamine bị cáo cất giấu để bán lại kiếm lời và lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm i, g khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc cất giấu ma túy để sử dụng và bán lại kiếm lời là hành vi vi phạm pháp

luật, khi bị phát hiện sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Song, để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân và để bán lại kiếm lời mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[5] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng và sự phát triển lành mạnh của con người. Vì vậy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quá trình kiểm tra hành chính bắt quả tang bị cáo đã tự nguyện giao nộp số ma túy cất giữ; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ bị cáo là người khuyết tật, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã có công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành điều tra, xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Bùi Thị H là người quản lý nhà nghỉ P nhưng bà H không biết việc bị cáo N mua ma túy về cất giấu tại phòng ở nên không đặt vấn đề xử lý.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tịch thu tiêu hủy số vật chứng hiện không còn giá trị sử dụng gồm 02 (hai) bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định vụ số 09/M1 và 09/M2 ngày 13/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước được niêm phong đóng dấu; 01 (một) vỏ bao thuốc JET đã qua sử dụng; 11 (mười một) ống thủy tinh đã qua sử dụng; 02 (hai) quẹt ga đã hư hỏng; 01 (một) ống hút nhựa; 01 (một) nắp chai nhựa màu đỏ; 01 (một) kéo loại dài khoảng 14 cm;

Cần trả lại cho bị cáo Phạm Đức N 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong; 01 (một) điện thoại di động hiệu Kechaoda đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong; 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Đức N do đây là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với số tiền 18.000.000 đồng thu giữ trong quá trình bắt quả tang, do đây là số tiền bà Nguyễn Thị L mẹ bị cáo N đưa cho bị cáo mua xe máy, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N do đó cần trả lại cho bà L.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm i, g khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức N 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/01/2020.

3. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định vụ số 09/M1 và 09/M2 ngày 13/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước được niêm phong đóng dấu; 01 (một) vỏ bao thuốc JET đã qua sử dụng; 11 (mười một) ống thủy tinh đã qua sử dụng; 02 (hai) quẹt ga đã hư hỏng; 01 (một) ống hút nhựa; 01 (một) nắp chai nhựa màu đỏ; 01 (một) kéo loại dài khoảng 14 cm;

Trả lại cho bị cáo Phạm Đức N 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong; 01 (một) điện thoại di động hiệu Kechaoda đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong; 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Đức N. Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 18.000.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001807, quyền số 0037, ký hiệu D47/2017 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Văn An